TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIÊN LÃNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2024/HNGĐ-ST
Ngày 12-8-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Xuyến;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Bình,

2. Ông Vũ Đức Bình.

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Kim Liên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Nguyện - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2024, tại Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 73/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2024/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn X, xã B, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Đinh Trọng B, sinh năm 1994; đăng ký thường trú: Thôn X, xã B, huyện T, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Thôn T, xã N, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn là chị Phạm Thị T trình bày:

Chị T và anh Đinh Trọng B Tôi tự nguyện kết hôn với nhau tại Uỷ ban nhân dân xã Đoàn Lập ngày 22/12/2014. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, một phần do anh B mải chơi, không quan tâm đến gia

đình, vợ con. Chị T đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh B không thay đổi. Do mâu thuẫn nên anh chị đã sống ly thân nhau từ tháng 6 năm 2023 đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ, chị T yêu cầu được ly hôn anh B. Anh chị có 02 con chung là Đinh Xuân T, sinh ngày 07/5/2015 và Đinh Xuân Đ, sinh ngày 08/4/2022. Kể từ khi anh chị sống ly thân, các con do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị T đề nghị Toà án giao cả 02 con cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng cho con và tài sản chung, chị T tự thoả thuận với anh B, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tống đạt các văn bản tố tụng, yêu cầu anh B giao nộp bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án và triệu tập anh B đến làm việc nhưng anh B không thực hiện.

Tài liệu xác minh tại gia đình và địa phương thể hiện: Chị T và anh B có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ theo quy định pháp luật. Anh chị chung sống đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh B ham chơi game, ảnh hưởng đến kinh tế gia đình. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2023 đến nay, mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau; tuy nhiên anh B vẫn nhiều lần đến nhà chị T gây sự, ảnh hưởng đến gia đình chị T. Anh chị có 02 con, hiện đang sinh sống với chị T. Chị T đang làm công nhân tại địa phương, có thu nhập ổn định, ngoài ra chị T được mẹ đẻ hỗ trợ chăm sóc con; anh B hiện làm nhân viên phục vụ nhà hàng xa nhà, thu nhập từ 07 đến 08 triệu đồng/tháng.

Tại phiên toà, nguyên đơn vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thẩm phán đã thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo về việc thu thập được chứng cứ; mở phiên họp, hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định về thẩm quyền, thời hạn, trình tự, thủ tục tố tụng; phiên toà được mở đúng thời hạn, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, đã tống đạt các tài liệu, thông báo, quyết định của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là thực hiện chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 96, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228;

Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Đinh Trọng B; giao con Đinh Xuân T, sinh ngày 07/5/2015 và Đinh Xuân Đ, sinh ngày 08/4/2022 cho chị T trực tiếp nuôi đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về việc cấp dưỡng cho con và tài sản chung: Do chị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con; anh Đinh Trọng B là bị đơn, hiện đang cư trú tại: Thôn T, xã N, huyện T, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn (anh B) đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không chấp hành triệu tập của Tòa án. Tòa án đã thực hiện cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ văn bản tố tụng cho anh B; sao gửi đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo, tạo điều kiện cho anh B thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Việc anh B không có mặt theo giấy triệu tập, không giao nộp đầy đủ các tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án là tự tự mình từ bỏ các quyền và không chấp hành các nghĩa vụ của đương sự được quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp và do Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Nguyên đơn (chị T) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, vắng mặt tại phiên toà và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn (anh B) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T, anh B.

[4] Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị T và anh Đinh Trọng B được xác lập từ ngày 22/12/2014 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị sống hoà thuận đến năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn, bất hoà do anh B ham chơi game, ảnh hưởng đến kinh tế gia đình, chị T đã khuyên giải nhưng anh B không thay đổi. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2023 đến nay, không quan tâm đến nhau. Như vậy, có đủ căn cứ xác định, tình trạng hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật

Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận, xử cho chị T được ly hôn anh B.

[5] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Đinh Xuân T, sinh ngày 07/5/2015 và Đinh Xuân Đ, sinh ngày 08/4/2022. Chị T có nguyện vọng nhận trực tiếp nuôi cả 02 con; con Trường đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng ở với mẹ; con Đạt còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi rất cần sự chăm sóc của mẹ. Xét thấy các đương sự đều có quyền và có điều kiện trực tiếp nuôi con; tuy nhiên để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con, cần căn cứ vào các khoản 2, 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, nguyện vọng của con, chấp nhận yêu cầu của chị T, xử giao cả 02 con Đinh Xuân T và Đinh Xuân Đ cho chị T trực tiếp nuôi đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng cho con, các đương sự tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết; xét thấy quyền lợi của con vẫn được đảm bảo nên không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Do các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 96, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (chị Phạm Thị T):

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T được ly hôn anh Đinh Trọng B.

2. Về con chung: Giao con Đinh Xuân T, sinh ngày 07/5/2015 và Đinh Xuân Đ, sinh ngày 08/4/2022 cho chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Không giải quyết vấn đề cấp dưỡng cho con do các đương sự không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị T đã nộp đủ 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0009007 ngày 06 tháng 5 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng.

Chị T, anh B vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- Đương sự (để thi hành);
- Chi cục THADS huyệnTiên Lãng;
- UBND xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng (ĐKKH số 74/2014);
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Xuyến